TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 154/2024/DS - ST Ngày: 02-8-2024 V/v: "Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng và ông Nguyễn Ngọc Khương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên .

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 793/2023/TLST-DS ngày 13/12/2023 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2024/QĐXX-DS ngày 01/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 169/2024/QĐST - DS ngày 18/7/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm: 1994; địa chỉ: 1 Y, P. E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm: 1981 và ông Phạm Trí T, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Tổ dân phố F, p. E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1991; Địa chỉ: 2 L, P. T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Đình C và ông Phạm Trí T trình bày:

Ngày 04/5/2023, ông Nguyễn Quốc D có cho bà Nguyễn Thị M vay số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng), lãi suất hai bên tự thỏa thuận là

1,5%/tháng, thời hạn vay khi nào cần thì bà M phải trả ngay số tiền gốc và lãi phát sinh cho ông D. Mục đích bà Nguyễn Thị M vay về đáo hạn ngân hàng.

Ông D đã giao đủ số tiền vay 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị M. Để xác lập giao dịch vay tiền, hai bên có lập 01 giấy vay tiền đề ngày 04/5/2023, có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị M dưới mục bên vay.

Sau khi vay tiền, bà Nguyễn Thị M đã trả cho ông D số tiền gốc là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Số tiền còn lại đã nhiều lần ông D yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền gốc 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và lãi phát sinh nhưng bà M không chịu trả cho ông D.

Ngoài ra, quá trình quen biết bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Quốc T1 có nhờ ông D liên hệ vay tiền để bà M đáo hạn ngân hàng. Vì vậy, ông D đã liên hệ với bà Phạm Thị H để vay tiền giúp bà M, ông T1. Sau khi bàn bạc bà H đồng ý cho bà M, ông T1 vay số tiền 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng). Khi vay bà H yêu cầu ông D và ông Nguyễn Quốc T1 (em bà M) phải ký cam kết, bảo lãnh khoản vay. Do đó, ngày 11/5/2023, ông D, bà M và ông T1 cùng ký xác nhận vay bà H số tiền 2.900.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nêu trên sau khi bà H chuyển cho ông D, ông D đã chuyển qua tài khoản của bà M và bà M là người quản lý, sử dụng toàn bộ số tiền này.

Vì bà M, ông T1 không thanh toán tiền cho bà H đầy đủ số tiền vay nên bà Phạm Thị H đã yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà M, ông T1. Ngày 29/9/2023, ông D đã phải vay mượn để trả cho bà H số tiền 800.000.000 đồng. Số tiền này ông D là người bảo lãnh cho bà M vay tiền như đã thoả thuận.

Vì vậy, ông D đã khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma thuột giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền gốc 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo mức 10 %/năm, kể từ ngày vay (04/5/2023) đến nay là 161.000.000 đồng. Tổng cộng 1.561.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm sáu mươi mốt triệu đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ dân sự trả cho ông D số tiền 800.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/9/2023 theo quy định của pháp luật, tạm tính là 532.200 đồng. Tổng cộng 800.532.200 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ông D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ dân sự trả cho ông D số tiền 800.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/9/2023 theo quy định của pháp luật, tạm tính là 532.200 đồng, tổng cộng 800.532.200 đồng, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền gốc 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo mức 10 %/năm, kể từ ngày vay (04/5/2023) đến nay là 161.000.000 đồng. Tổng cộng

1.561.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm sáu mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là khoản nợ bà M trực tiếp vay của ông D, khoản vay này là của cá nhân bà M không liên quan đến chồng bà M và cá nhân, tổ chức nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

- **Về tố tụng:** Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 229, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D.

Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm phải trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền 1.400.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi suất phát sinh cho đến ngày bà Nguyễn Thị M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D số tiền 800.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/9/2023 đến ngày 12/10/2023 là 1,66%/ tháng tiền lãi: 532.200 đồng.

- Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo

quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Nguyễn Thị M xác định bà M có đăng ký hộ khẩu thường trú, nhưng hiện nay bà Nguyễn Thị M không thực tế cư trú tại địa chỉ: 2 L, P. T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên nguyên đơn đã có đơn đề nghị Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền gốc 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo mức 10 %/năm, kể từ ngày vay (04/5/2023) đến nay là 161.000.000 đồng. Tổng cộng 1.561.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm sáu mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi phát sinh.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ dân sự trả cho ông D số tiền 800.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/9/2023 theo quy định của pháp luật, tạm tính là 532.200 đồng. Tổng cộng 800.532.200 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền gốc 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo mức 10 %/năm, kể từ ngày vay (04/5/2023) đến nay là 161.000.000 đồng. Tổng cộng 1.561.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm sáu mươi mốt triệu đồng). Nguyên đơn cung cấp giấy vay tiền đề ngày 04/5/2023 có nội dung: "…Bên cho vay (bên A): Nguyễn Quốc D; bên vay (bên B): Nguyễn Thị M; bên A đồng ý cho bên B vay số tiền 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng); lãi suất thỏa thuận là 1,5%..."chữ ký chữ viết bên vay đề tên Nguyễn Thị M. Bị đơn bà M vắng mặt nên nguyên đơn đã yêu cầu giám định chữ ký chữ viết của bị đơn trong giấy vay tiền và kết luận giám định số: 720/KL-KTHS ngày 12/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị M trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị M trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra; ngoài ra quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn xác định sau khi vay tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn 900.000.000đ nợ gốc, còn nợ lại 1.400.000.000đ nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.4000.000.000đ.

Về yêu cầu trả lãi: Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giấy vay tiền nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận mức lãi là 1,5%, tuy nguyên đơn, bị đơn không ghi rõ là 1,5% trên tháng hay trên năm nhưng nguyên đơn xác định mức lãi suất là 1,5%/ tháng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu

bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi từ ngày vay theo mức 10%/ năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử (04/5/2023 đến 02/8/2024) là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 468 BLDS cần chấp nhận cụ thể:

1.400.000.000đ x 10%/ năm x 456 ngày/30 = 177.333.333đ

Từ những nhận định trên cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền nợ gốc 1.400.000.000đ và 177.333.333đ làm tròn tổng cộng là: 1.577.333.000đ (Một tỷ, năm trăm bảy bảy triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

2. Đối với yêu cầu của nguyên đơn V/v buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ dân sự trả cho ông D số tiền 800.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/9/2023 theo quy định của pháp luật, tạm tính là 532.200 đồng. Tổng cộng 800.532.200 đồng, nguyên đơn đã tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ một phần đối với yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự .

[4]. Về án phí DSST và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: 36.000.000đ + 3% x 777.333.000đ = 59.320.000đ (Năm mươi chín triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng) (đã làm tròn).

Ông Nguyễn Quốc D không phải chịu án phí DSST, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về chi phí giám định: Bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 7.560.000đ (Bảy triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) chi phí giám định chữ ký chữ viết, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D không phải chịu chi phí giám định chữ ký chữ viết, được nhận lại 7.560.000đ (Bảy triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) tạm ứng chi phí đã nộp và đã chi phí xong sau khi thu được của bà Nguyễn Thị M.

- Về chi phí thông báo nhắn tin: Bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.425.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) chi phí chi phí thông báo nhắn tin, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D không phải chịu chi phí thông báo nhắn tin, được nhận lại 2.425.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng chi phí đã nộp và đã chi phí xong sau khi thu được của bà Nguyễn Thị M.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 102, Điều 147; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc D.

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền nợ gốc 1.400.000.000đ và 177.333.333đ tiền lãi; Tổng cộng là: 1.577.333.000đ (Một tỷ, năm trăm bảy bảy triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ dân sự trả cho ông D số tiền 800.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/9/2023 theo quy định của pháp luật. Đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của BLTTDS.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu: 59.320.000đ (Năm mươi chín triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng) án phí DSST.

Ông Nguyễn Quốc D không phải chịu án phí DSST, hoàn trả ông Nguyễn Quốc D số tiền 39.615.322đ (Ba mươi chín triệu, sáu trăm mười lăm ngàn, ba trăm hai mươi hai đồng) tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0004500 ngày 05/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

- Về chi phí giám định: Bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 7.560.000đ (Bảy triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D không phải chịu chi phí giám định chữ ký chữ viết, được nhận lại 7.560.000đ (Bảy triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) tạm ứng chi phí đã nộp và đã chi phí xong sau khi thu được của bà Nguyễn Thị M.

- Về chi phí thông báo nhắn tin: Bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.425.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) chi phí thông báo nhắn tin, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D không phải chịu chi phí thông báo nhắn tin, được nhận lại 2.425.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng chi phí đã nộp và đã chi phí xong sau khi thu được của bà Nguyễn Thị M.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nguyệt